

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 23/10/2023 - 27/10/2023

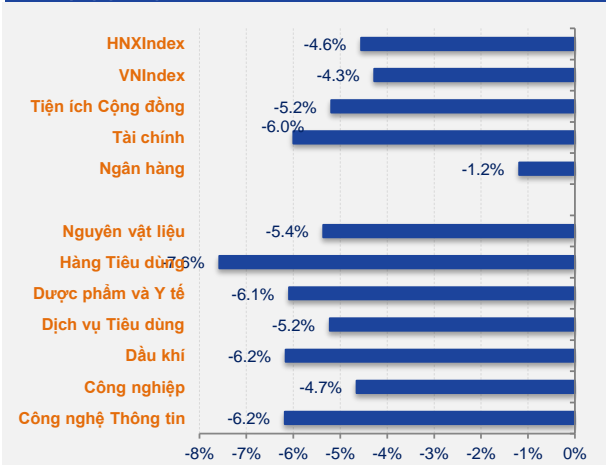
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,060.62 ↓	-4.3%	218.04 ↓	-4.6%
KLGD (trCP)	3,201.72 ↓	-5.7%	491.47 ↓	-2.4%
GTGD (tỷ VND)	70,409.94 ↓	-10.3%	9,183.29 ↓	-10.5%
Tổng cung (trCP)	7,266.37 ↓	-3.4%	674.10 ↓	-1.0%
Tổng cầu (trCP)	7,227.72 ↓	-11.5%	622.92 ↓	-6.4%

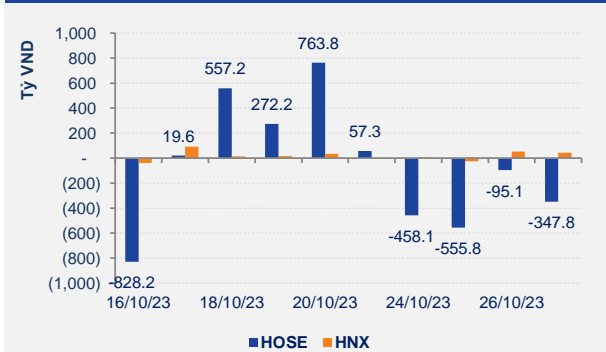
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	181.92 ↓	-11.3%	6.95 ↑	2.1%
KL bán (trCP)	267.87 ↑	38.5%	9.14 ↑	76.7%
GT mua (tỷ VND)	6,230.24 ↓	-12.5%	231.08 ↓	-1.5%
GT bán (tỷ VND)	7,629.61 ↑	20.4%	156.52 ↑	33.2%

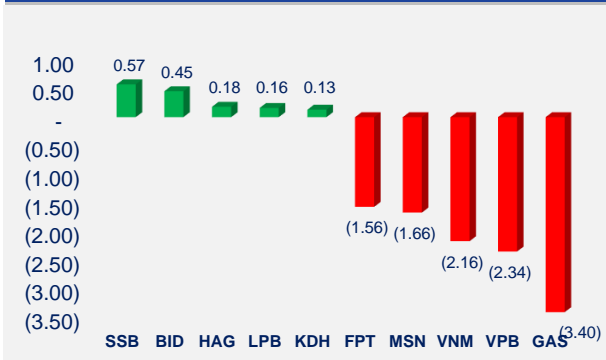
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục có tuần giao dịch gần cuối tháng 10 kém tích cực, đặc biệt là phiên giao dịch giảm điểm mạnh ngày 26/10/2023 khi VN-INDEX giảm 4,28% với thanh khoản rất đột biến và điều chỉnh mạnh về vùng giá 1.040 điểm. Mặc dù có phiên giao dịch phục hồi tốt cuối tuần với đa số mã phục hồi tốt sau khi giảm mạnh, nhưng VN-INDEX vẫn giảm mạnh 4,26% so với tuần trước về mức 1.060,62 điểm. HNX-INDEX có diễn biến tương tự kết thúc tuần ở mức 218,04 điểm giảm 4,56% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 70.404,20 tỉ đồng, giảm 10,3% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 5,7%, trong đó áp lực bán mạnh đột biến tập trung nhiều ở các mã trong VN30. Thanh khoản HNX giảm 10,5% với 9.183,29 tỉ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và bán ròng trở lại với giá trị 1.289,77 tỷ đồng trên HOSE, trong đó bán ròng đột biến ở MWG, VIC, nhóm ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 74,56 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: Khai mạc kỳ họp 6, Quốc hội khóa XV; Thủ tướng cho biết "Chính phủ nỗ lực phấn đấu, đưa ra nhiều giải pháp để tăng trưởng GDP năm nay đạt trên 5%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội giao (6,5%)". Lạm phát khoảng 3,5-4%; Thủ ký Công điện về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu NHNN thúc đẩy tín dụng cho bất động sản. HĐQT của VIC công bố Nghị quyết phê duyệt điều khoản Trái phiếu chào bán quốc tế trị giá \$250 triệu USD, có quyền chọn nhận cổ phiếu Vinhomes do Vingroup sở hữu.

Bất động sản là tâm điểm của thị trường trong tuần khi có những biến động rất mạnh, tiêu cực với nhóm vốn hóa lớn và đa số các mã khác như VHM (-11,91%), LGL (-10,31%), NBB (-8,84%), NDN (-8,65%), CII (-7,08%)... trong khi một số mã vẫn có diễn biến phục hồi tốt, kết thúc tuần tăng điểm nhờ phiên tăng giá hết biên độ cuối tuần như CEO (+1,5%), DXG (+3,88%), DIG (+3,93%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau tuần giảm điểm mạnh trước đó, tiếp tục có tuần giao dịch kém tích cực, đa số vẫn giảm điểm mạnh, thanh khoản gia tăng ở mức trên trung bình như MBS (-10,63%), AGR (-10,27%), FTS (-10,17%), PSI (-10,11), VIX (-9,33%)... ngoài BSI (+0,39%) phục hồi tốt, tăng điểm.

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh nhưng phân hóa và tích cực hơn so với thị trường chung khi có những mã tăng giá so với tuần trước với LPB (+5,15%), SSB (+4,50%), BID (+3,70%), VCB (+0,24%)... ngoài đa số chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh như NVB (-11,50%), PGB (-9,43%), VPB (-6,48%), MSB (-5,38%)... Các nhóm ngành khác hầu hết đều có diễn biến kém tích cực trong tuần với áp lực bán mạnh và chỉ phục hồi tốt khi thị trường vào vùng quá bán ngắn hạn, ngoại trừ một số mã rất nổi bật, thanh khoản đột biến như YEG (+21,57%), CTD (+7,45%), HAG (+7,36%), LPB (+5,15%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 kết tuần ở mức 1.068,5 điểm, mức chênh lệch dương 0,93 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh trong tuần, vượt mức trung bình, thể hiện hoạt động đầu cơ mạnh khi thị trường biến động và các vị thế Long đang lạc quan trong phiên cuối tuần. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -5,57 điểm đến -11,57 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng và trở lại bình thường, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về xu hướng của VN30, phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 23/10/2023 - 27/10/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần giảm mạnh thứ 2 liên tiếp sau khi Vn-Index vượt cản 1.150 điểm không thành công, điểm số giảm mạnh làm VnIndex đánh mất các ngưỡng hỗ trợ và trở lại khu vực nền tích lũy cũ (1.000 điểm – 1.100 điểm). Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.060,62 điểm (-47,41 điểm, -4,28%). Thị trường vẫn đang vận động lỏng lẻo và sẽ cần nhiều thời gian để tìm đến khu vực cân bằng cho quá trình tích lũy.

Về tình hình vĩ mô, nhìn chung kinh tế Vĩ mô trong nước vẫn đang trong giai đoạn chưa có nhiều chuyển biến tích cực nhưng không xấu đi, đến thời điểm hiện tại GDP đang có xu hướng phục hồi đà tăng trưởng dù tốc độ tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng. Tình hình địa chính trị thế giới đang tồn tại nhiều bất ổn, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp dẫn tới đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, mặt khác tình hình lạm phát toàn cầu vẫn chưa thực sự được kiểm soát. Với tình trạng vĩ mô hiện tại, nhịp hồi phục từ đầu năm đã phản ánh kỳ vọng kinh tế sẽ dần ổn định và phục hồi, nếu thị trường chứng lại để tiếp tục tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang vận động lỏng lẻo nhưng có khả năng có nhịp hồi kỹ thuật do Vn-Index rơi vào trạng thái quá bán, nhà đầu tư ngắn hạn có khả năng chịu đựng rủi ro cao nếu có giải ngân thì cũng nên với quan điểm thận trọng bởi nhịp hồi không phải là xu hướng uptrend tiếp diễn nên sẽ có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Trong trung, dài hạn thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng sẽ đi tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư hoàn toàn đã cơ cấu được danh mục hợp lý do vậy có thể tiếp tục nắm giữ danh mục.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 23/10/2023 - 27/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO ĐỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PHR	44.85	46-48	57-59	43	6.8	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	18.50	18.5-20	24-25	17.5	16.7	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	28.50	28-29.5	34-35	27	6.5	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	28.00	26-28	31-32	25	20.7	-11.0%	-34.4%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	35.50	32-35	45-46	33	7.7	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	23.00	20.5-21.5	26-27	19	16.0	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	28.50	25-27	30-31	22	9.3	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	24.10	20-22	27-29	19	4.7	-38.9%	-11.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	37.10	30-32	36-37	29	19.0	23.7%	3218.3%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	62.50	52-54	62-64	50	8.3	-6.7%	471.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	31.80	26-28	31-33	24	5.5	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	22.90	19.5-21.5	26-27	19	9.0	40.2%	-4.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	24.90	20.5-22	26-27	19	18.2	4.5%	-78.7%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	31.20	25.90	35-37	30	20.5%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Với loạt dự án "tỷ USD" được cấp chứng nhận đầu tư, Quảng Ninh vươn lên dẫn đầu trong thu hút FDI

Với 2 dự án đầu tư mới trong tháng 10/2023 có tổng vốn đầu tư hơn 2 tỷ USD, Quảng Ninh vươn lên dẫn đầu trong bảng xếp hạng các địa phương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhiều nhất cả nước... Số liệu tháng 10/2023 của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã ghi nhận 2 dự án đầu tư mới được Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đó là Dự án Tổ hợp công nghệ tế bào quang điện của Jinko Solar Hải Hà Việt Nam với tổng vốn đầu tư 1,5 tỷ USD và Dự án Nhà máy Lite-on Quảng Ninh với tổng vốn đầu tư 690 triệu USD. Nhờ hai dự án này, Quảng Ninh đã vượt lên dẫn đầu, với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 3,09 tỷ USD, chiếm gần 12% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Chính phủ chỉ đạo hoàn thiện nghị định về kinh doanh xăng dầu

Văn phòng Chính phủ vừa ban hành thông báo số 435 Kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 95 và Nghị định 83 về kinh doanh xăng dầu. Ngày 26/10, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã chủ trì họp với các Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính, đại diện Lãnh đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và đại diện Bộ Tư pháp liên quan về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

ECB giữ nguyên lãi suất sau 10 lần tăng liên tiếp

Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh những lo ngại ngày càng lớn về tình hình tăng trưởng của nền kinh tế khu vực sử dụng đồng euro... Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 26/10 giữ nguyên lãi suất sau chuỗi kỷ lục 10 lần tăng liên tiếp. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh những lo ngại ngày càng lớn về tình hình tăng trưởng của nền kinh tế khu vực sử dụng đồng euro. ECB nói rằng việc duy trì lãi suất ở mức hiện tại "trong một thời gian đủ dài" sẽ "đóng góp quan trọng" vào việc đạt mục tiêu lạm phát, đồng thời cho biết "lãi suất sẽ được thiết lập ở mức đủ thắt chặt trong thời gian đủ dài".

Nhất trí tăng tỷ lệ vốn nhà nước tại dự án PPP lên không quá 70%

Chiều 27/10, thừa ủy quyền Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng trình Quốc hội về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ (Dự thảo). Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc phát triển hệ thống giao thông đường bộ, cơ quan thẩm tra cơ bản nhất trí với đề xuất tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án đề xuất thí điểm.

TIN DOANH NGHIỆP**HSG: Lợi nhuận sau thuế quý 4 NĐTC 2022-2023 đạt 438 tỷ đồng**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: HSG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 niên độ tài chính (NĐTC) 2022-2023 (từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023) và lũy kế NĐTC 2022-2023 (từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2023). Theo đó, quý 4 NĐTC 2022-2023, doanh thu hợp nhất đạt 8.107 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 438 tỷ đồng. Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 NĐTC 2022-2023 vừa công bố, HSG đã ghi nhận sự phục hồi ấn tượng so với quý 4 NĐTC 2021-2022 khi tất cả các chỉ số đều tốt hơn so với cùng kỳ.

IDC: Lãi ròng giảm 62% trong quý 3, cắt giảm 274 nhân sự

Do các hợp đồng cho thuê hạ tầng khu công nghiệp chưa đến thời điểm đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu, Công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC) báo lãi ròng đi lùi trong quý 3/2023. Cụ thể, kết thúc quý 3, IDICO ghi nhận doanh thu thuần gần 1,444 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước. Lãi ròng chỉ còn 161 tỷ đồng, giảm tới 62%. Cộng với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, lũy kế 9 tháng, IDC ghi nhận doanh thu thuần gần 4,998 tỷ đồng và lãi ròng hơn 842 tỷ đồng, giảm lần lượt 29% và 60% so với cùng kỳ. Với kết quả này, IDC mới thực hiện được 51% chỉ tiêu lãi trước thuế năm sau 9 tháng.

Hòa Phát lãi 2,000 tỷ đồng trong quý 3

Quý 3/2023, Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) đạt doanh thu 28,766 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 2,000 tỷ đồng, tăng 212% so với cùng kỳ 2022 và 38% so với quý trước. Lũy kế 9 tháng 2023, Hòa Phát đạt 85,430 tỷ đồng doanh thu, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 3,830 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 48% kế hoạch năm. Lũy kế 9 tháng năm 2023, Tập đoàn Hòa Phát sản xuất 4,8 triệu tấn thép thô, giảm 21% so với cùng kỳ 2022. Sản lượng bán hàng thép các loại (chưa bao gồm sản phẩm ống thép, tôn mạ) đạt 4,6 triệu tấn, giảm 19%.

Văn Phú – Invest (VPI) hoàn thành 79,7% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023

Công ty cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest (mã chứng khoán VPI - sàn HoSE) công bố đạt lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2023 ở mức 438,2 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ, qua đó hoàn thành gần 80% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023 đã được các cổ đông thông qua tại ĐHCĐ thường niên. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp ghi nhận 1.742,4 tỷ đồng doanh thu - tăng 25% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ dự án Vlasta - Sầm Sơn được bàn giao/mở bán trong quý I và II/2023. Ngoài ra, doanh nghiệp vẫn ghi nhận một phần doanh thu từ các dự án bàn giao trước 2023 như dự án Vlasta - Sầm Sơn và phần còn lại của dự án Grandeur Palace - Giảng Võ.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VHM	12,090,005	VIX	(9,231,940)
2	STB	5,638,617	SSI	(6,783,355)
3	DGC	2,683,947	HDB	(6,750,292)
4	KBC	2,473,200	FUEVFNVD	(6,676,330)
5	HDG	1,222,150	VIC	(6,346,485)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	2,241,550	SHS	(7,284,132)
2	PVS	2,117,800	HUT	(275,800)
3	NRC	533,400	NVB	(156,400)
4	TNG	230,389	CET	(67,600)
5	EVS	209,900	VIG	(47,400)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.00	13.60	↓ -9.33%	143,011,000
SSI	31.30	29.45	↓ -5.91%	118,527,302
VND	19.95	18.50	↓ -7.27%	113,823,400
DIG	20.35	21.15	↑ 3.93%	112,553,200
STB	30.10	28.70	↓ -4.65%	96,463,805

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.70	15.10	↓ -9.58%	158,887,416
CEO	20.00	20.30	↑ 1.50%	61,822,206
HUT	21.60	19.10	↓ -11.57%	37,981,571
PVS	38.90	37.10	↓ -4.63%	31,590,281
IDC	49.60	47.10	↓ -5.04%	23,596,085

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YEG	15.30	18.60	3.3	↑ 21.57%
TIX	33.10	37.00	3.9	↑ 11.78%
HRC	48.10	52.90	4.8	↑ 9.98%
BCE	5.62	6.13	0.5	↑ 9.07%
OGC	6.31	6.81	0.5	↑ 7.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TJC	12.10	15.50	3.4	↑ 28.10%
VC6	13.60	16.80	3.2	↑ 23.53%
CX8	5.80	6.90	1.1	↑ 18.97%
TKG	5.80	6.80	1.0	↑ 17.24%
VTJ	3.00	3.50	0.5	↑ 16.67%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

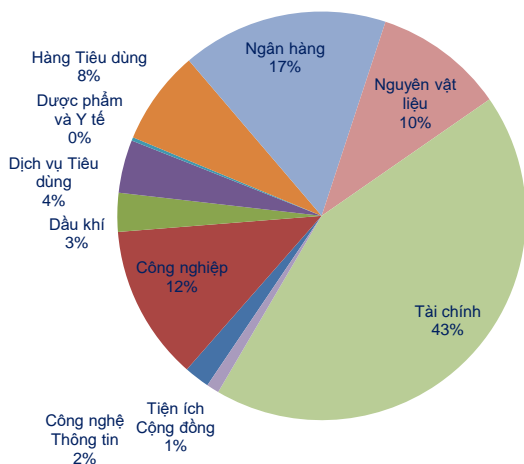
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU1	9.49	7.60	-1.9	↓ -19.92%
VNE	8.03	6.46	-1.6	↓ -19.55%
FUESSV50	19.42	15.82	-3.6	↓ -18.54%
SJF	2.99	2.44	-0.6	↓ -18.39%
VOS	11.65	9.65	-2.0	↓ -17.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVC	17.70	13.90	-3.8	↓ -21.47%
KTT	3.50	2.80	-0.7	↓ -20.00%
TAR	12.10	9.90	-2.2	↓ -18.18%
SLS	187.40	155.00	-32.4	↓ -17.29%
SPI	4.10	3.40	-0.7	↓ -17.07%

(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	143,011,000	8.2%	1,005	13.6	1.1
SSI	118,527,302	8.9%	1,346	21.3	1.9
VND	113,823,400	3.9%	467	39.2	1.5
DIG	112,553,200	1.2%	152	130.0	1.5
STB	96,463,805	17.2%	3,601	7.8	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	158,887,416	5.4%	643	22.9	1.2
CEO	61,822,206	7.7%	872	21.2	1.3
HUT	37,981,571	1.3%	116	163.2	1.7
PVS	31,590,281	7.2%	1,953	18.2	1.3
IDC	23,596,085	20.7%	3,969	11.8	2.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
YEG	↑ 21.6%	2.4%	594	29.3	0.6
TIX	↑ 11.8%	12.7%	3,515	10.5	1.3
HRC	↑ 10.0%	2.0%	353	150.3	3.0
BCE	↑ 9.1%	-12.1%	-1,136	-	0.6
OGC	↑ 7.9%	9.7%	349	18.6	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TJC	↑ 28.1%	21.9%	3,680	4.0	0.9
VC6	↑ 23.5%	8.1%	1,197	13.1	1.1
CX8	↑ 19.0%	2.6%	270	25.6	0.7
TKG	↑ 17.2%	2.0%	205	30.2	0.6
VTJ	↑ 16.7%	-1.3%	-108	-	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	12,090,005	25.0%	9,468	4.4	1.0
STB	5,638,617	17.2%	3,601	7.8	1.3
DGC	2,683,947	29.7%	9,010	9.4	2.6
KBC	2,473,200	17.8%	4,373	6.5	1.1
HDG	1,222,150	12.4%	2,739	9.3	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	2,241,550	20.7%	3,969	11.8	2.5
PVS	2,117,800	7.2%	1,953	18.2	1.3
NRC	533,400	-5.9%	-788	-	0.4
TNG	230,389	15.5%	2,372	7.3	1.1
EVS	209,900	5.9%	688	10.5	0.6

Top Vốn hóa HOSE

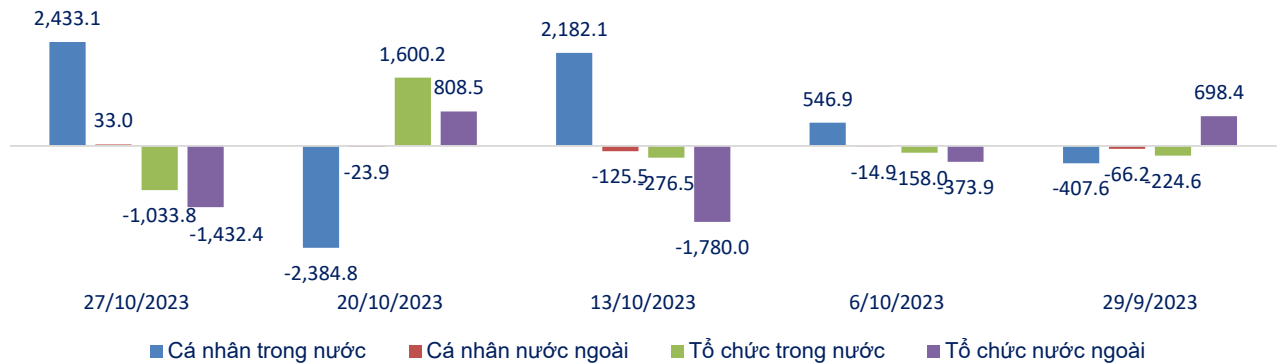
Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,278	23.0%	5,797	14.6	2.6
BID	205,123	19.0%	4,025	10.1	1.8
VHM	182,013	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	173,404	20.3%	5,567	13.6	2.1
VIC	158,660	2.7%	977	42.6	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,016	7.2%	1,953	18.2	1.3
HUT	16,958	1.3%	116	163.2	1.7
IDC	15,510	20.7%	3,969	11.8	2.5
THD	13,513	2.9%	458	76.6	2.0
KSF	11,970	2.4%	539	74.0	1.7



Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	309.90	2.7%	977	42.6	1.1
MSN	278.77	3.6%	919	66.8	2.3
MWG	219.64	6.6%	1,069	39.3	2.6
SSI	202.91	8.9%	1,346	21.3	1.9
VRE	193.00	11.8%	1,818	13.5	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-452.44	25.0%	9,468	4.4	1.0
DGC	-227.55	29.7%	9,010	9.4	2.6
KBC	-83.00	17.8%	4,373	6.5	1.1
FRT	-67.02	-2.3%	(327)	-	7.1
VCB	-49.45	23.0%	5,797	14.6	2.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	12.54	25.0%	9,468	4.4	1.0
DGC	10.96	29.7%	9,010	9.4	2.6
DIG	7.92	1.2%	152	130.0	1.5
VND	7.82	3.9%	467	39.2	1.5
SSI	6.58	8.9%	1,346	21.3	1.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNE	-32.05	2.1%	270	22.4	0.5
TPB	-10.32	17.0%	2,483	6.4	1.1
PVD	-6.95	1.8%	448	56.1	1.0
HDB	-5.29	20.3%	2,765	6.1	1.1
HAH	-5.06	20.6%	5,583	5.7	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	150.39	N/A	N/A	N/A	N/A
HAG	51.00	19.9%	1,114	7.8	1.6
MWG	48.91	6.6%	1,069	39.3	2.6
EVF	48.74	9.0%	1,195	9.4	1.7
HHV	35.27	3.6%	954	14.6	0.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-192.20	17.2%	3,601	7.8	1.3
FPT	-186.19	22.3%	4,815	18.0	3.9
HPG	-122.24	-2.0%	(328)	-	1.4
VPB	-101.42	9.7%	1,532	13.2	1.2
EIB	-98.24	12.2%	1,462	11.8	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

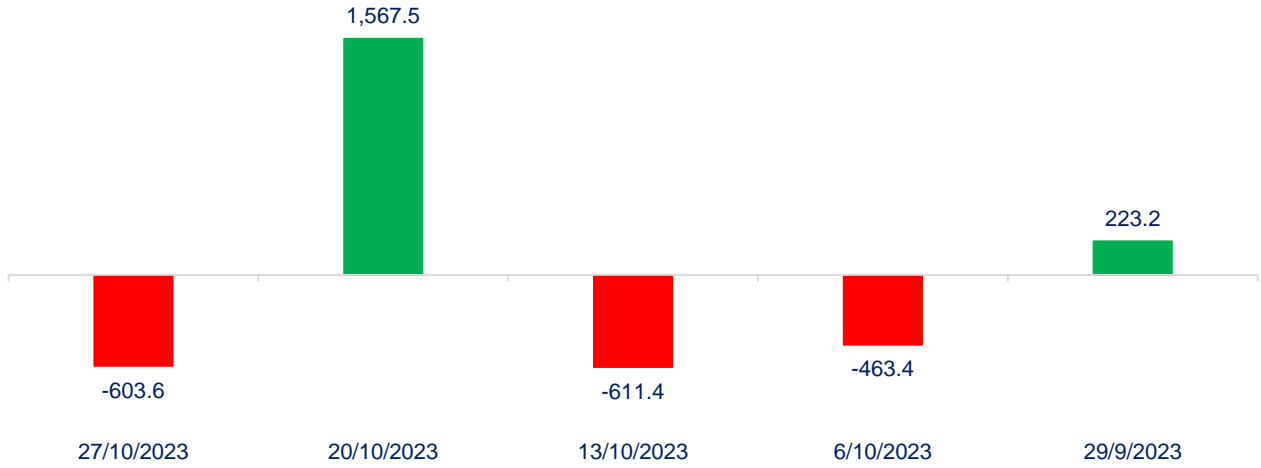
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	535.32	25.0%	9,468	4.4	1.0
DGC	223.16	29.7%	9,010	9.4	2.6
STB	162.75	17.2%	3,601	7.8	1.3
KBC	78.53	17.8%	4,373	6.5	1.1
FPT	53.53	22.3%	4,815	18.0	3.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

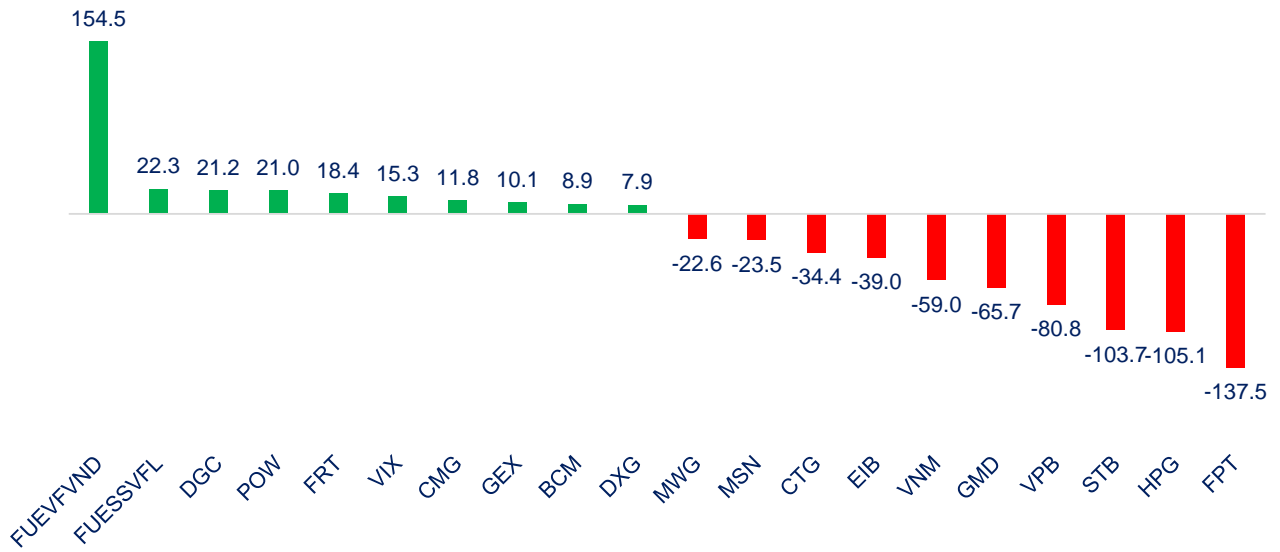
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-270.37	6.6%	1,069	39.3	2.6
VIC	-269.58	2.7%	977	42.6	1.1
MSN	-237.08	3.6%	919	66.8	2.3
SSI	-209.95	8.9%	1,346	21.3	1.9
FUEVFVND	-160.28	N/A	N/A	N/A	N/A



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
21/9/2023	27/10/2023	25/9/2023	22/9/2023	FBC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/9/2023	27/10/2023	17/10/2023	16/10/2023	SHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/9/2023	27/10/2023	2/10/2023	29/9/2023	SBT	Đại hội Đồng Cổ đông
14/9/2023	27/10/2023	25/9/2023	22/9/2023	SGP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/10/2023	27/10/2023	18/10/2023	17/10/2023	LAW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/10/2023	27/10/2023	18/10/2023	17/10/2023	PPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/10/2023	27/10/2023	10/10/2023	9/10/2023	LPT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/10/2023	27/10/2023	23/10/2023	20/10/2023	PNJ	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/10/2023	27/10/2023	20/10/2023	19/10/2023	PBP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/10/2023	27/10/2023	30/10/2023	27/10/2023	VMC	Phát hành cổ phiếu
20/9/2023	28/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	PNG	Đại hội Cổ đông Bất thường
10/10/2023	28/10/2023	26/10/2023	25/10/2023	PTX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
20/9/2023	30/10/2023	11/10/2023	10/10/2023	BGT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/10/2023	30/10/2023	19/10/2023	18/10/2023	BWS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/10/2023	30/10/2023	20/10/2023	19/10/2023	PNT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/10/2023	30/10/2023	31/10/2023	30/10/2023	BT1	Phát hành cổ phiếu
23/10/2023	30/10/2023	31/10/2023	30/10/2023	DTD	Phát hành cổ phiếu
19/9/2023	31/10/2023	13/10/2023	12/10/2023	SJD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/9/2023	31/10/2023	3/10/2023	2/10/2023	DNE	Đại hội Cổ đông Bất thường
6/10/2023	31/10/2023	27/10/2023	27/10/2023	HTG	Tạm dừng Niêm yết
4/10/2023	31/10/2023	19/10/2023	18/10/2023	AVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/10/2023	31/10/2023	12/10/2023	11/10/2023	HD2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/10/2023	31/10/2023	16/10/2023	13/10/2023	VNL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/10/2023	31/10/2023	18/10/2023	17/10/2023	VHF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/10/2023	31/10/2023	24/10/2023	23/10/2023	PLC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19/9/2023	1/11/2023	3/10/2023	2/10/2023	MCP	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/10/2023	1/11/2023	12/10/2023	11/10/2023	BMJ	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3/10/2023	1/11/2023	12/10/2023	11/10/2023	ACC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2021	2/11/2023	27/10/2023	27/10/2023	NAF	Niêm yết thêm
28/7/2023	2/11/2023	30/8/2023	29/8/2023	GAS	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn